

VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC TRONG TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM VÀ NGUYỄN DŨ

Vũ Thị Thảo¹

¹Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: vuthithaonv@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 11 năm 2018.

Tóm tắt: Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ là hai nhà nho tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XVI. Đó là giai đoạn chế độ phong kiến đang đi vào suy thoái, hệ tư tưởng Nho giáo rơi vào khủng hoảng; đời sống nhân dân lao động vô cùng khổ cực. Tại thời điểm này, vấn đề đạo đức cũng trở nên cấp bách, bởi một xã hội Nho giáo vốn được duy trì bằng hệ thống chuẩn tắc luân thường đạo lý đã bị “đồng tiền” chi phối, giá trị nhân nghĩa vốn là cơ sở tồn tại của quan hệ giữa con người với con người đã bị thay thế bởi khung tham chiếu vật chất. Đứng trước bối cảnh biến động của thang giá trị đạo đức và sự rạn vỡ của các mối quan hệ rường cột trong xã hội, với tư cách những trí thức Nho học, Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ không thể không trở về vấn đề đạo đức đương thời. Qua các tác phẩm của mình, hai ông đề cập đến một số khía cạnh sau: (1) Thực trạng đạo đức Việt Nam thế kỷ XVI; (2) Nguyên nhân của thực trạng đạo đức Việt Nam thế kỷ XVI; (3) Giải pháp khắc phục vấn đề đạo đức đương thời.

Từ khóa: Đạo đức, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ.

Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ là hai trí thức Nho học tiêu biểu Việt Nam thế kỷ XVI. Cuộc đời của các ông trải qua hàng loạt các biến động lớn của lịch sử trên mọi phương diện chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục. Đó là sự suy thoái của chế độ phong kiến; sự khủng hoảng của hệ tư tưởng Nho giáo khi chưa có một hệ tư tưởng đủ mạnh để thay thế; chiến tranh và nghèo đói bao trùm lên đời sống nhân dân cùng cực. Điều này làm cho mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực của các nhà nho như

Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ bị đẩy lên cao trào khiến họ trở về và đi tìm lời giải đáp cũng như phương hướng khắc phục. Một trong những giải pháp quan tâm hàng đầu của họ là đạo đức. Trong bài viết này, chúng tôi xin chỉ ra những điểm căn bản của vấn đề đạo đức được họ đề cập đến trong các tác phẩm của mình: (1) Thực trạng đạo đức Việt Nam thế kỷ XVI; (2) Nguyên nhân của thực trạng đạo đức Việt Nam thế kỷ XVI; (3) Giải pháp khắc phục vấn đề đạo đức đương thời.

1. Thực trạng đạo đức xã hội Việt Nam thế kỷ XVI

Thứ nhất, sự tha hóa các giá trị đạo đức trên mọi phương diện.

Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ là các trí thức Nho học đã trải qua những biến cố lớn của dân tộc Việt Nam thế kỷ XVI. Đó là các cuộc nội chiến đẫm máu giữa các tập đoàn phong kiến; sự đói khổ cùng cực của nhân dân lao động. Trạng thái lịch sử đó đã kéo theo sự tha hóa các giá trị đạo đức như trung, nghĩa, lễ, trí, tín,... cùng sự chấn động mạnh mẽ của các quan hệ rường cột trong xã hội. Từ những góc nhìn khác nhau, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ đã phản ánh thực trạng đạo đức đương thời. Nếu như Nguyễn Dữ đi vào chi tiết sự rạn nứt và đổ vỡ quan hệ đạo đức của mọi giai tầng bằng lối viết truyền kỳ mạn lục, thì Nguyễn Bình Khiêm lại khái quát trật tự xã hội ở sự “suy sụp lỏng lẻo” của cương thường đang lan rộng và ăn sâu trong xã hội khi luân thường, đạo lý không được con người tự nguyện tuân thủ và hành xử. Ông viết: “Lễ nghĩa, than ôi ngang trái./ Mũi lọng theo đó đảo ngược./ Thờ vua, tôi chẳng ra tôi./ Thờ cha, con chẳng ra con./ [...] Cha phải từ, con phải hiếu, mà đem lòng sài lang./ Đạo làm vua, đạo làm tôi mà hồ thẹn với ong kiến.../ Chẳng có lòng hữu ái, anh chẳng ra anh./ Không có lòng quý mến, em chẳng ra em./ [...] Cảnh trị bình ngày một sa xuống chốn nhuốc nhơ./ Con người ta tự không biết liêm sỉ./ Cái chí

của kẻ sĩ là được áo xanh, áo tía./ Khắc gọt con sâu, chăm chăm vào cái nghề đốn mạt” [3, tr.318].

Nguyễn Dữ đi vào từng khía cạnh cụ thể sự tha hóa đạo đức của con người. Ông chỉ rõ những hành động tham lam của cái vật chất, sẵn sàng chà đạp lên lợi ích và mạng sống của người khác; bắt chắp thủ đoạn và luân lý vì đam mê sắc dục, không thực hiện một cách chính đúng với vị trí và chức phận của mọi tầng lớp trong xã hội. Sự tha hóa đạo đức được ông mô tả theo chiều dọc từ trên xuống. Vua thiếu lòng nhân ái, thương dân theo vương đạo, thậm chí còn vi phạm đường lối đức trị mà thánh nhân đã dạy. Theo ông, vua “nói thường dối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhài; phao phí gấm lụa, vung vãi châu ngọc, dối trá, dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền như đất bùn...” [1, tr.159]. Ở đây, Nguyễn Dữ ám chỉ nhà Hồ trong “Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na”, nhưng qua đó, ông đề cập đến bối cảnh lịch sử đương thời với sự tha hóa của những ông vua nhà Mạc. Tầng lớp quan lại đương thời đa số tham tiền, “tránh kẻ quyền hào, gác bút không dám xét xử”, nát rượu, chỉ lấy yên vui làm thích, lấy vị thế mà khuynh loát nhau; chứ chưa thấy ai “biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân chúng” [1, tr.159]. Tầng lớp trí thức Nho học cũng không nằm ngoài sự ăn mòn đạo đức, bởi “ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo đai nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường dối họ để đi học, thay tên để ra thi,

hễ trượt đổ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chằm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo, tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dẫn dắt rèn cặp, phần nhiều là cái công đức của thầy, bạn” [1, tr.130].

Mặt khác, sự tha hóa đạo đức còn được Nguyễn Dữ đề cập từ quy mô xã hội đến phạm vi gia đình, ông nhấn mạnh mối quan hệ vợ chồng bị phá vỡ khi người chồng vì ham mê cờ bạc, thua bạc nên bán vợ cho người khác như Trọng Quý trong “Truyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu”. Hay vì sự ghen tuông, vô minh mà đẩy vợ mình tìm đến cái chết để chứng minh tiết hạnh như trường hợp “Người con gái Nam Xương”.

Như vậy, sự tha hóa đạo đức lan rộng và ăn sâu trong mọi ngõ ngách của quan hệ con người. Thang bậc và các giá trị đạo đức Nho giáo duy trì trật tự xã hội bị đảo lộn. Điều này tạo ra một cú sốc lớn đối với các trí thức thấm nhuần các chuẩn tắc Nho giáo như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ. Bản thân họ rơi vào sự giằng xé giữa lý tưởng và hiện thực, giữa mong muốn một xã hội nhân văn và một hiện thực quan hệ con người bị đồng tiền chi phối. Do đó, thực trạng đạo đức xã hội đương thời còn được các ông phản ánh ở sự coi trọng giá trị vật chất hơn nhân nghĩa.

Thứ hai, xã hội coi trọng đồng tiền hơn nhân nghĩa.

Xã hội Việt Nam thế kỷ XVI còn được Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ đề cập đến là một xã hội coi trọng vật chất.

Nhìn từ góc độ sự thay đổi cơ sở hạ tầng là sự xuất hiện mầm mống của kinh tế tư nhân với tầng lớp “con buôn” làm biến động các giá trị tinh thần trong xã hội đương thời. Chính vì thế, vai trò và giá trị đồng tiền được coi trọng, thậm chí thay thế nhân nghĩa là thứ vốn được đề cao trong mối quan hệ giữa người với người. Nguyễn Bình Khiêm nhận định thói đời chuộng vàng bạc hơn cả con người: “Người của lấy cân ta thừ nhắc,/ Mới hay rằng, của nặng hơn người” [3, tr.1527-1528]. Và nhân nghĩa là thứ khó kiếm tìm, con người chỉ gắn kết với nhau bằng vật chất: “Đời nay nhân nghĩa tựa vàng mười,/ Có của thì hơn hết mọi lời./ Trước đến tay không nào thốt hỏi,/ Sau vào gánh nặng lại vui cười./ Anh anh, chú chú mừng hơ hải,/ Rượu rượu giàu giàu thết tả toi” [3, tr.1528]. Với một tấm lòng yêu nước, thương đời, Nguyễn Bình Khiêm lo lắng sâu sắc cho thời cuộc. Sống trong một thời kỳ rối ren, loạn lạc, chiến tranh liên miên, máu sông xương núi, trật tự xã hội bất ổn, ông lo sợ vì “thói đời” điên đảo, đau buồn vì “người đời” chỉ biết đồ xô theo danh lợi: “Được thời, thân thích chen chân đến,/ Thất thế, hương lư ngoảnh mặt đi./ Thớt có tanh tao, ruồi đậu đến,/ Ang không mật mỡ, kiến bò đi” [3, tr.102].

Cũng từ điểm nhìn này, Nguyễn Dữ nhận thấy vai trò của đồng tiền trong xã hội đương thời có sức mạnh thay trắng đổi đen: “Hình ngục có của đứt là xong, quan chức có tiền mua là được, kẻ dâng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng; lòng dân động lay, nên đã xảy việc quân

sông Đáy, cỡi bờ chéch méch, nên đã mất dải đất Cổ Lâu” [1, tr.159].

Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ là những trí thức trưởng thành từ “cửa Không sân Trình”. Do đó, các ông mang trong mình khát vọng về một xã hội nhân văn, “chí thiện”; các mối quan hệ giữa con người với nhau được ràng buộc bởi các giá trị đạo đức: trung, tín, hiếu, để chứ không phải được liên kết bởi lợi ích kinh tế. Vì vậy, các biến động của đời sống đạo đức đương thời đã tạo nên mâu thuẫn lớn trong chính bản thân các ông. Từ góc nhìn Nho giáo, các ông nhận thấy sự đổ vỡ của thang giá trị đạo đức trên mọi phương diện. Do đó, về cơ bản, các ông đi tìm nguyên nhân của thực trạng đạo đức đương thời từ quan điểm Nho giáo. Các ông đặt xuất phát điểm từ con người, lấy bản tính con người làm xuất phát điểm để tư duy, luận giải về sự tha hóa đạo đức.

2. Nguyên nhân của thực trạng đạo đức Việt Nam thế kỷ XVI

Thầy trò Nguyễn Bình Khiêm kế thừa tư tưởng về “thiên lý”, “nhân dục” của các nhà triết học Tống Nho. Họ cùng thống nhất với nhau ở điểm con người được trời phú *tính* cho, *tính* là *lý*. “Nhân, lễ, nghĩa, trí đó là *tính* vậy. Tính không có hình ảnh nên không thể chạm được; trong nó chỉ có *lý*. Chỉ có *Tình* là nhìn thấy được, đó là lòng trắc ẩn, lòng từ nhượng, và phân biệt thị phi” [2, tr.619]. Nhưng trong thực tế hành động của mình, cái *tính* được biểu hiện thông qua *tình*, nên nó chịu sự chi phối của ngoại vật và “đường lối của nó thì khúc khuỷu tùy theo vật” [2, tr.618].

Chu Hy ví: “*Tính* đứng yên như sự yên tĩnh của nước; *tình* thi hành như sự xao động của nước. Lòng dục là cái làm cho nước chảy đến mức tràn bờ” [2, tr.618]. Nguyễn Bình Khiêm viết: “Xét lẽ, con người ta tính vốn là thiện, do bị câu thúc vào khí chất bầm thụ, bị che lấp vì vật dục, hoặc có người không bảo toàn được cái tính ban đầu; [vì thế], kiêu căng, bi lận, tà vạy, thiên lệch... không điều gì không làm” [4, tr.123]. Tiếp tục quan điểm đó, Nguyễn Dữ cho rằng, con người sinh ra là thiện bởi con người được trời phú bẩm cho “thiên lý”: “Trời, đất gây dựng, chia ra hình âm đực dương trong,/ Dân vật bẩm sinh, khác ở chỗ duyên lành nghiệp dữ./ Biết bao sự trạng,/ Khôn xiết kể bày./ Bởi trời lấy lý phú cho con người, sao được người đều hiền thánh,/ Người đem mình noi theo tính, khỏi đâu tính hoặc sáng mờ./ Cho nên thiên lệch có người,/ Hư tồi lắm kẻ” [1, tr.209-210]. Như vậy, theo các ông, con người là chủ thể mang tính thiện tiên thiên. Nhưng mặt khác, con người được cấu tạo từ khí chất, do đó còn chịu sự chi phối của nó thông qua các giác quan. Nó cũng là nguồn gốc của dục vọng con người. Theo các nhà triết học Tống Nho, sự khác nhau của con người là do sự bầm thụ khí chất trong đực khác nhau. Nguyễn Bình Khiêm viết: “Trời cao ban xuống tấm lòng thiện, con người có đầy đủ đạo thường. Kẻ nào tự ràng buộc bầm khí chạy theo dục vọng thì trở nên nguy hại. Chìm chìm nổi nổi, co ro cúm rúm, bừa bãi gian tà, không biết cái gì là sai trái. Sang thì đi đến chỗ kiêu

ngạo, giàu thì đưa tới chỗ xa xỉ. Sự tô điểm nhà cửa thì vẽ tranh chạm ngọc. Sự xa xỉ ở nơi góc bếp núc thì lấy sáp thay cùi, bùi béo ngon ngọt. Say rượu nồng, no chất tươi, mặc áo nhẹ, cưỡi ngựa béo. Thấy người đói ngã lăn xuống ngòi rãnh thì một đồng tiền không cho. Thấy người đi đường màn trời chiếu đất, thì một bát gạo chẳng giúp. Chỉ có cái lợi thì thấy rõ như diên như đại. Đầu mối của việc thiện có ai nói rộng mà rút ra đâu” [3, tr.334].

Nguyễn Dữ đồng tình với quan điểm đó khi cho rằng không phải ai cũng trở thành hiền thánh, trong xã hội cũng luôn tồn tại nhiều kẻ hư tồi. Như vậy, ở con người với tư cách là một thực thể đạo đức, ngoài tính thiện trời phú, còn có cả bản năng động vật. Luận điểm này được Nguyễn Dữ thể hiện trong nhận định: Con người là loài chim thiêng nhất trong vạn vật. Cái phân biệt con người với con vật chính là ở tính người, tính đạo đức. Khi con người xa rời tính đạo đức đó khiến cho “tâm thuật không chính” thì sẽ bị dục vọng, mê lạc quyền rũ, lôi kéo và sa ngã. Do đó, ông nói: “Thanh lòng không bằng ít dục, dục nếu yên lặng thì lòng trống rỗng mà điều thiện sẽ vào, khí bằng phẳng mà cái lý sẽ thắng, tà quý còn đến quấy nhiễu làm sao được” [1, tr.72-73]. Còn Nguyễn Bình Khiêm nói đến hình mẫu người thánh hiền trong xã hội đương thời: “Người thánh hiền là người thế nào? Đó là người dục vọng thì ít, tìm đến chỗ cực đúng, là nhờ ở chỗ suy xét về điều mình làm. Lời giáo huấn của đời xưa rất sáng rõ, lấy lòng thành làm chỗ dựa cho ta. Chớ

cho rằng điều thiện nhỏ (mà không làm), vì (việc làm điều thiện nhỏ là chủ yếu để mở đường) làm thiện. Chớ cho rằng điều ác nhỏ (mà cứ làm) vì (không làm điều ác nhỏ) là cẩn thận trong cái nhỏ nhất. Một cái là trí, một đấng là ngu, một là phục hồi tính thiện, một là theo đường mê muội. Bạc quân tử có hiểu biết, nỗ lực trong việc làm, chín chắn trong suy nghĩ” [3, tr.334].

Nguyễn Dữ nhấn mạnh sức tàn phá của nhân dục đối với cái thiện khi con người không được định hướng hành động bởi sự chỉ dẫn của lương tri hay tính thiện ban đầu. Vì thế, một khi “Lòng dục thả ra thì khe ngòi không đủ lấp, thói ác giờ ra thì hùm sói chưa là dữ. Hễ lợi mình được, dù tấm áo mảnh giấy cũng không từ, hễ no lòng được, dù ống đập chấu vỡ cũng không thẹn” [1, tr.247].

Như đã trình bày ở trên, có thể thấy con người vốn thiện nhưng khi bị chi phối và mất kiểm soát trước những dục vọng cá nhân thì hệ quả tất yếu dẫn đến sự tha hóa, xói mòn về mặt đạo đức và làm nảy sinh cái ác trong xã hội. Nho giáo là học thuyết hướng con người tới hành động thiện thông qua hệ thống nguyên tắc, chuẩn mực xã hội với đạo lý luân thường. Nó ràng buộc con người trong các mối quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, thầy trò, bạn bè. Cả năm phương diện này, theo nhận định của thầy trò Nguyễn Bình Khiêm, đều bị phá vỡ và rạn nứt nghiêm trọng. Thực tế đó phản ánh sự khủng hoảng ý thức hệ độc tôn Nho giáo trong khi chưa có một hệ tư tưởng nào đủ mạnh để thay thế. Con người rơi vào tình trạng

mắt phương hướng khi chưa có một chuẩn hành vi để làm phương châm sống với chính mình và người khác.

Từ những luận giải trên, Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ đưa ra phương án để khắc phục sự tha hóa các giá trị đạo đức đương thời. Dĩ nhiên, đó là giải pháp của đường lối Nho học.

3. Giải pháp khắc phục vấn đề đạo đức đương thời

Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ đều lựa chọn con đường lánh đời, ở ẩn, không tham gia vào chính sự đương thời để “tâm nhàn”, không bị chi phối bởi vật chất bên ngoài. Các ông chiêm nghiệm về cuộc đời và tìm lại chân giá trị của Nho giáo nhằm đưa ra phương án khắc phục sự tha hóa đạo đức đương thời. Tuy hình thức có thể khác nhau nhưng tựu chung lại ở cả hai ông đều nhằm mục đích cuối cùng là hướng con người tới điều thiện, *thực hành điều thiện. Xã hội lý tưởng mà các ông hướng tới đó là xã hội thời Nghiêu Thuấn thái bình, thịnh trị được duy trì bởi các giá trị đạo đức: Nhân, lễ, trí, tín trong các quan hệ rường cột. Muốn như vậy, theo các ông, trước hết, mỗi cá nhân con người với tư cách là một thành viên của xã hội phải tuân thủ và hành xử theo cương thường đạo lý Nho giáo.*

Nguyễn Bình Khiêm đi từ quan niệm con người là chủ thể đạo đức mang tính thiện tiên thiên. Ông tin con người có khả năng phục hồi tính thiện. Nhưng mặt khác, ông cũng thừa nhận lòng tư dục của con người. Vì thế, muốn con người hành xử với nhau một cách có đạo đức theo quan

điểm Nho giáo, theo ông, con người cần hành xử theo đạo trung. Thực hiện đạo trung trong lối sống chính là con người đạt được “chí thiện” trên con đường hành thiện của mình. Bởi vì “trung” chính là “chí thiện”, “trung ở chỗ nào thì chí thiện ở chỗ ấy”. Điều này được Nguyễn Bình Khiêm lý giải trong tên gọi quán Trung tân.

“Trung nghĩa là ở chính giữa, giữ trọn được tính thiện là trung, không giữ trọn được tính thiện thì không phải là trung vậy; tân có nghĩa là bén, biết chỗ đáng đậu là đúng bén, không biết chỗ đáng đậu là lầm bén vậy”. Nghĩa của tên quán là như thế. Như trung với vua, hiếu với cha, thuận với anh em, hòa giữa vợ chồng, tín nghĩa giữa bạn bè, thì là trung vậy. Thấy của mà không tham, thấy lợi mà không tranh, vui điều nghĩa mà rộng lượng với người, đem lòng thành mà đối đãi với vật, đó là trung. Trung ở chỗ nào thì chí thiện ở chỗ ấy. Nếu quả như có thể lấy trung làm chuẩn đích, biết nên theo về đâu, thì mọi sự mọi vật ra tay mà làm, có cái gì là không tận thiện...” [3, tr.333-334]. Như vậy, biểu hiện của “trung” không gì khác chính là đạo thường trong Nho gia với ngũ thường, là thực hiện điều nghĩa, thành:

“Trung là cái chính giữa của tính thiện, Tân là cái bén bãi để theo về. Biết mình đậu ở chỗ nào đã có định trước, gặp lúc gieo neo nhất cũng không rời bỏ. Đi trên mặt phẳng, noi theo đường chính, không lầm lẫn rẽ sang lối khác. Làm việc của mình, đối đãi với người, nghĩ về chỗ đó, ở vào chỗ đó. Thờ cha hết lòng hiếu, thờ

vua chớ dối trá. Làm chồng thì xướng xuất, làm vợ thì noi theo, chơi với bạn thì giữ vững chữ tín, thiết tha gắn bó. Lo đi trên đường thiện, chẳng cho là của riêng ta. Người khác có tài cũng coi như là ta có tài” [3, tr.334].

Theo sự luận giải của Nguyễn Bình Khiêm, thì thực hiện “Trung” chính là thực hiện điều Thiện. Điều thiện ấy được ông cho là “chí thiện”. Như vậy, Trung giống như một cái bến, là một chuẩn tắc bất di bất dịch để con người neo đậu trong dòng đời đầy biến động và trôi chảy, mọi vật sinh hóa, tuần hoàn. Khi mọi việc đều được con người thực hành theo “đạo trung” thì sẽ đạt được “chí thiện” và đó chính là trạng thái Tâm trong sáng, tĩnh lặng như mặt nước để quán thông mọi việc, nhận thức được lẽ trời.

Với Nguyễn Dữ, ông đưa ra các hình thức khuyến thiện trừng ác nhằm thức tỉnh và răn đe con người trước hành động ác.

Cả Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ đều cho rằng trời là một thế lực công minh. Nguyễn Bình Khiêm viết: “Đạo trời lòng lộng chẳng hề sai” [3, tr.53]; “Trời cao lòng lộng có thẳng bằng” [3, tr.156]. Nguyễn Dữ qua câu chuyện đối đáp của Đạo nhân, người cảnh báo những lỗi lầm của Thiên Tích và chính Thiên Tích làm cho chúng ta hiểu hơn: “Tôi nghe đạo trời công minh như cái cân cái gương, có thần minh để gây dấu vết, có tạo hóa để giữ công bằng; gương tất soi suốt mà không riêng, lưới tuy thưa thớt mà không lọt. Phép thật chí nghiêm mà chí mật, người nên không oán cũng

không hờn”. Nhưng trong hiện thực cuộc sống “những sự khuyến khích răn đe” của đạo trời lại “thấy lắm điều lộn xộn”: “Làm lợi sự vật, chưa nghe thấy được phúc; làm sự hại nhân, chưa nghe thấy mắc nạn. Kẻ nghèo có chí cũng thành không; người có muốn gì cũng được nấy. Có người chăm học mà suốt đời không đỗ, có nhà xa hoa mà lũy thế vẫn giàu. Ai bảo rằng trao mệnh giả quỳnh, thế mà vẫn trồng dưa được đậu” [1, tr.51]. Nguyễn Dữ nhận thấy thuyết trời công minh chưa đủ luận giải về kiếp nghiệp của con người, ông viện dẫn cả các giáo lý Phật giáo và Đạo giáo trong sự thưởng phạt công minh ở thế giới bên kia. Từ đây có thể thấy, trong quan niệm về thưởng phạt của Nguyễn Dữ có sự hội tụ của ba học thuyết Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo trong cùng một thời điểm, một sự việc. Đó là thuyết nhân quả của Phật giáo, thuyết ý phục họa phúc, thiện ác của Đạo giáo, thuyết công bằng của Nho giáo.

Chính vì thế, trong các câu chuyện của Nguyễn Dữ, những người lúc còn sống chăm làm điều thiện thì đến khi chết được lên Đế đình. Trong truyện “Phạm Tử Hu lên chơi Thiên tào”, có tòa “Cửa Tích Đức”, “đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố thí, nhưng biết tùy thời mà chu cấp, đã không keo bần, lại không hờn hĩnh. Thượng đế khen là có nhân, liệt vào thanh phẩm nên họ được ở đây” [1, tr.133]. “Cửa Thuận Hạnh” dành cho những người “thuở còn sống hiếu thuận hoặc trong lưu ly biết bao

bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san sẻ cho nhau, mấy đời ở chung, không nở chia rẽ. Thượng đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây” [1, tr.134].

Khi xác lập thế giới thiên đình sau khi chết trong “Truyện kỳ mạn lục”, Nguyễn Dữ cho rằng đó là những câu chuyện mang thông điệp về vấn đề luân thường và những lời ký ngụ ý khuyên giới được chép lại “nhằm khuyên cho những người ăn ở trung hậu với thầy, lại cho thể làm răn cho những người ăn ở bạc bẽo với thầy, có quan hệ luân thường của người ta lớn” [1, tr.134-135].

Mặt khác, trong “Truyện kỳ mạn lục”, Nguyễn Dữ đưa ra các hình thức trừng phạt cái ác. Tùy theo mức độ phạm tội có các hình phạt tương ứng. Có thể giảm tuổi thọ, có thể không được thác sinh, hoặc đầu thai vào gia đình nghèo đói, hoặc phải chịu hình như rửa ruột, thanh lòng. Điều này được minh chứng bằng một tòa án xét xử dưới địa ngục trong “Truyện Lý tướng quân”:

Đối với những người sống tham bản, hối lộ, hợm hĩnh, ngông nghênh, khinh miệt những người có đức, chưa từng cất nhắc kẻ hiền sĩ để giúp nước sẽ bị tước tên ra khỏi tòa Nam Tào [Xem: 1, tr.206]. Đối với người sống bất mục với anh em, không hòa với tông tộc, chừa lại chúc thư để chiếm cướp ruộng nương, khiến họ không có miếng đất cắm dùi. Đức vua cho thác sinh vào nhà kẻ hèn, đói khát, nằm vạ vật ở ngòi rãnh để đền tội cho sự tranh cướp trước kia [Xem: 1, tr.206].

Như vậy, có thể nhận thấy, các phương thức giải quyết vấn đề tha hóa

đạo đức con người trong xã hội Việt Nam thế kỷ XVI của Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ là khác nhau. Nhưng điểm chung của hai ông đều thể hiện những trăn trở về trách nhiệm xã hội của người trí thức Nho học với thời cuộc, với nhân sinh. Các ông đều hướng tới điều thiện và xây dựng nền tảng đạo đức cho một xã hội thái bình thịnh trị như trong lý tưởng của mình. Hai ông đều lựa chọn con đường rời xa danh vọng, hòa mình với thiên nhiên, không muốn phục vụ triều đình thối nát. Cả Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ đều là những người nhất quán trong tư tưởng và hành động khi luận giải về sự tha hóa đạo đức con người trong thời đại của các ông. Tuy nhiên, phương pháp điều chỉnh đạo đức của các ông đưa ra đều chưa vượt khỏi phạm vi tư tưởng Nho giáo khi hệ tư tưởng này đã rơi vào khủng hoảng, không còn đáp ứng được những thay đổi của hiện thực lịch sử đương thời. Do vậy, việc hướng con người tuân thủ theo những chuẩn tắc đạo đức Nho học chỉ dừng lại ở giá trị và ý nghĩa thức tỉnh con người.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Dữ (2016), *Truyện kỳ mạn lục*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2] Phùng Hữu Lan (2013), *Lịch sử Triết học Trung Quốc - Thời đại Kinh học*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Phòng Văn học cổ trung đại, Viện Văn học & Hội đồng lịch sử Hải Phòng (2014), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, Nxb Văn học, Hà Nội.